

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO THỨ HẠNG,
ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (PII) NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường)

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
1	Thể chế					
1.1	Nhóm chỉ số Môi trường chính sách					
1.1.1	Chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ¹	81,53	Duy trì	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các phòng chuyên môn phường	Nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của phường và tổ chức thực hiện

¹ Các văn bản của địa phương quy định, triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi cho ĐMST là các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, đề án, quy định... được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành dưới hình thức Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND tỉnh và hiện đang có hiệu lực.
Phạm vi các văn bản quy định chính sách thúc đẩy KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của được tính điểm cho chỉ số này bao gồm 4 lĩnh vực: (vi) *Chuyển đổi số*, (vii) *Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*, (ix) *Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn*, (xiii) *Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030*.

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
1.1.2	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự ²	62,32	+4	Văn phòng HĐND&UBND, Công an phường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch
1.2	Nhóm chỉ số Môi trường kinh doanh					
1.2.1	Chi phí gia nhập thị trường ³	50,68	+4	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch
1.2.2	Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương ⁴	31,27	+6	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch

² Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự gồm 1 chỉ tiêu: (i) Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN;

³ Chi phí gia nhập thị trường gồm 4 chỉ tiêu: (v) Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai, (vi) Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ tại bộ phận Một cửa, (vii) Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn, (viii) Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện;

⁴ Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương gồm 09 chỉ tiêu (i) Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực; (ii) Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì”; (iii) Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh”, (iv) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi”; (v) UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh, (vi) Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố”, (vii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh” (viii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
1.2.3	Cải cách hành chính ⁵	41,69	+6	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc cải cách hành chính (PAR Index) theo Kế hoạch
1.2.4	Cạnh tranh bình đẳng ⁶	22,64	+8	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch
2	Vốn con người và nghiên cứu phát triển					
2.1	Nhóm chỉ số Giáo dục					

thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán"; (ix) Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình.

⁵ Chỉ số CCHC gồm 8 chỉ số thành phần. Cụ thể: (i) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; (ii) Cải cách thể chế; (iii) Cải cách thủ tục hành chính; (iv) Cải cách tổ chức bộ máy; (v) Cải cách chế độ công vụ; (vi) Cải cách tài chính công; (vii) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; (viii) Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội

⁶ Cạnh tranh bình đẳng gồm 2 chỉ tiêu: (i) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác"; (v) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "TTHC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn.

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
2.1.1	Chi cho giáo dục và đào tạo trung bình một người đi học ⁷	54,02	+4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các Trường trên địa bàn phường	Tham mưu nguồn kinh phí chi giáo dục và đào tạo từ ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định.
2.2	Nhóm chỉ số Nghiên cứu và Phát triển					
2.2.1	Tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương (%) ⁸	18,12	+8	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định
2.2.2	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%) ⁹	23,08	+8	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định
3	Cơ sở hạ tầng					
3.1	Nhóm chỉ số Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)					
3.1.1	Hạ tầng số ¹⁰	44,55	+6	Phòng Văn hóa	Phòng Văn hóa	Tăng cường triển khai các giải pháp

⁷ Chi từ ngân sách địa phương (gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) trung bình cho một học sinh (gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và dạy nghề) và chi cho giáo dục và đào tạo trung bình của hộ gia đình cho một người đi học (từ bậc mầm non cho đến dạy nghề) trong năm

⁸ Chi KHCN từ ngân sách địa phương gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp), (ii) Chi đầu tư phát triển trung bình ba năm liên tiếp gần nhất

⁹ Về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KHCN, chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
				– Xã hội (Các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet)	– Xã hội	nâng cao các chỉ số thành phần thuộc DTI theo Kế hoạch
3.1.2	Quản trị điện tử ¹¹	28,93	+8	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phòng Văn hóa – Xã hội	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PAPI theo Kế hoạch
3.2	Nhóm chỉ số Cơ sở hạ tầng chung và Môi trường sinh thái					
3.2.1	Cơ sở hạ tầng cơ bản ¹²	59,07	+4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô	Các cơ quan, đơn vị có liên	- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh gắn với tranh thủ sự

¹⁰ Chỉ số chính Hạ tầng số gồm 07 chỉ số thành phần: (i) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; (ii) Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; (iii) Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang; (iv) Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng; (v) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; (vi) Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung; (vii) Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số

¹¹ Trục Quản trị điện tử gồm 3 nhóm chỉ số: (i) Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương (gồm 2 chỉ tiêu: (i.1) Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận; (i.2) Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ cổng thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); (ii) Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương (gồm 2 chỉ tiêu: (ii.1) Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet; (ii.2) Tỷ lệ người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà); (iii) Phục đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử (gồm 5 chỉ tiêu: (iii.1) Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện, (iii.2) Tỷ lệ người trả lời cho biết cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố dễ sử dụng cho tra cứu thông tin, (iii.3) Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân, (iii.4) Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến của địa phương, (iii.5) Tỷ lệ người trả lời cho biết đã có thể thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công của địa phương

¹² Chỉ số Cơ sở hạ tầng gồm 03 chiều cạnh: (ii) Hạ tầng đường bộ; (iii) Hạ tầng điện năng; (iv) Hạ tầng viễn thông;

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
				thị, phòng Văn hóa – Xã hội	quan	hỗ trợ của Trung ương để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch của tỉnh; thực hiện tốt việc quy hoạch các khu chức năng và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. - Đẩy mạnh lồng ghép các nguồn lực đầu tư; chú trọng đầu tư các công trình trọng điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích đầu tư do Chính phủ ban hành để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực và kinh nghiệm đầu tư hạ tầng KCN, KKT, KNN UĐCNC trên địa bàn tỉnh
3.2.2	Quản trị môi trường ¹³	48,26	+6	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PAPI theo Kế hoạch

¹³ Trục Quản trị môi trường gồm 3 nhóm chỉ số: (i) nghiêm túc trong bảo vệ môi trường, (gồm 4 chỉ tiêu: (i.1) Tỷ lệ người trả lời cho biết doanh nghiệp tại địa phương KHÔNG đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường, (i.2) Tỷ lệ người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá, (i.3) Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố/vấn đề môi trường ở địa phương, (i.4) Cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố/vấn đề môi trường được thông báo; (ii) chất lượng không khí (gồm 3 chỉ tiêu: (ii.1) Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú, (ii.2) Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt, (ii.3) Tỷ lệ người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước; (iii) chất lượng nước (gồm 3 chỉ tiêu: (iii.1) Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống; (iii.2) Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ, (iii.3) Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để bơi lội)

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
4	Trình độ phát triển thị trường					
4.1	<i>Nhóm chỉ số Dịch vụ hỗ trợ</i>					
4.1.1	Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1.000 dân ¹⁴	14,24	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực
4.1.2	Đóng góp vào GDP cả nước (%) ¹⁵	28,23	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cải thiện đầu tư môi trường kinh doanh, đẩy mạnh các ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh.
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp					
5.1	<i>Nhóm chỉ số Lao động có tri thức</i>					
5.1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát	22,22	+8	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên	Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu

¹⁴ Phản ánh quy mô thị trường của địa phương. Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính trên 1.000 dân của địa phương

¹⁵ Tỷ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước.

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
	triển (R&D) (%) ¹⁶				quan	và phát triển và hợp tác với Viện/trường tổ chức hoạt động nghiên cứu và phát triển
5.2	<i>Nhóm chỉ số Liên kết sáng tạo</i>					
5.2.1	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp (%) ¹⁷	38,13	+6	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển và hợp tác với Viện/trường tổ chức hoạt động nghiên cứu và phát triển
5.3	<i>Nhóm chỉ số Hấp thu tri thức</i>					

¹⁶ Tổng điều tra kinh tế do Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm, Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không? Nếu có, hình thức thực hiện là gì: 1. Doanh nghiệp tự thực hiện; 2. Doanh nghiệp thuê ngoài”.

¹⁷ Tổng chỉ nhiệm vụ KHCN có hợp tác giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp từ NSDP trong tổng chỉ nhiệm vụ KHCN của địa phương.

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
5.3.1	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%) ¹⁸	8,15	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi, xúc tiến đầu tư và quảng bá hình ảnh địa phương, quốc gia,... thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của phường
5.3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (%) ¹⁹	14,29	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.
5.3.3	Số doanh nghiệp có ISO/1.000 doanh nghiệp của địa phương ²⁰	30,74	+6	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến của doanh nghiệp.

¹⁸ Vốn Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép trung bình ba năm, bao gồm vốn cấp mới và vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp giấy phép từ các năm trước

¹⁹ Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm, Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây? Đổi mới/cải tiến sản phẩm 1. Có, 2. Không; Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động: 1. Có 2. Không; Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh 1. Có 2. Không”

²⁰ Các tiêu chuẩn được tính đến trong chỉ số này như Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Tiêu chuẩn ISO 56000, Tiêu chuẩn ISO 45001, Tiêu chuẩn ISO khác. Doanh nghiệp đạt bất kỳ chứng nhận ISO nào đều được tính là có chứng nhận ISO.

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ					
6.1	Nhóm chỉ số Sáng tạo tri thức					
6.1.1	Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân ²¹	19,37	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sáng kiến, sáng chế và giải pháp hữu ích, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
6.2	Nhóm chỉ số Tài sản vô hình					
6.2.1	Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp ²²	37,53	+6	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp

²¹ Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ độc quyền dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Giải pháp kỹ thuật – đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là sáng chế là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức kỹ thuật và/hoặc phương tiện kỹ thuật (ứng dụng các quy luật tự nhiên) nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định. Giải pháp kỹ thuật có thể thuộc một trong các dạng: (i) Sản phẩm; (ii) Quy trình hay phương pháp

²² Nhãn hiệu là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu phải là những dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
6.2.2	Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể/1.000 doanh nghiệp ²³	23,02	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp
6.2.3	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân ²⁴	9,76	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp
6.2.4	Số đơn đăng ký và chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hộ/10.000 dân ²⁵	12,59	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, Trung tâm Cung ứng Dịch vụ sự nghiệp công	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp
6.3	<i>Nhóm chỉ số Lan tỏa tri thức</i>					

²³ Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó

²⁴ Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này

²⁵ Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. Chỉ số này bao gồm số giấy chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã cấp và số đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã nộp, hiện đang trong thời gian xem xét

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
6.3.1	Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân ²⁶	11,35	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp
6.3.2	Số doanh nghiệp KHCN và đủ điều kiện là doanh nghiệp khoa học và công nghệ/1.000 doanh nghiệp ²⁷	29,44	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đạt các giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ; doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định

²⁶ Phản ánh kết quả của những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và sự quan tâm, khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương và kết quả phát huy tinh thần doanh nhân, nguồn lực của xã hội cho sản xuất kinh doanh

²⁷ Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công. Doanh nghiệp KHCN phải được cấp giấy chứng nhận để có căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc. Các doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KHCN bao gồm doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp trong khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp đạt giải thưởng sáng tạo KHCN cấp tỉnh trở lên

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
6.3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương (%) ²⁸	14,04	+8	Phòng Văn hóa – Xã Hội, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
7	Tác động					
7.1	Nhóm chỉ số Tác động đến sản xuất - kinh doanh					
7.1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp ²⁹	72,61	+4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu, triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp, phát triển dịch vụ logistics

²⁸ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Đối với chỉ số này, chỉ tính các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương

²⁹ Chỉ số sản xuất công nghiệp là chỉ tiêu đánh giá tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng tháng, quý, năm. Chỉ số được tính dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất, nên còn được gọi là “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp”. Trong PII, chỉ số sản xuất công nghiệp được trung bình 3 năm liên tiếp gần nhất

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
7.1.2	Số lượng sản phẩm OCOP/10.000 dân ³⁰	20,84	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu các giải pháp phát hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên
7.1.3	Giá trị xuất khẩu/GRDP (%) ³¹	13,29	+8	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp
7.1.4	Tốc độ tăng năng suất lao động ³²	73,85	+4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động. - Tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động và sản xuất kinh doanh
7.2	Nhóm chỉ số Tác động đến kinh tế - xã hội					

³⁰ Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững (Theo QĐ 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022). Các sản phẩm OCOP phải được cấp giấy chứng nhận và còn thời hạn theo quy định. Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên

³¹ Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là trị giá do cơ quan hải quan xây dựng phục vụ cho mục đích thống kê trên cơ sở trị giá khai báo và tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

³² Năng suất lao động phản ánh hiệu suất làm việc của lao động, đo bằng tổng sản phẩm tính bình quân một lao động trong thời kỳ tham chiếu. Tốc độ tăng năng suất lao động thể hiện năng suất lao động cải thiện được như thế nào của năm tham chiếu so với năm trước đó

Các Trụ cột/Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
7.2.1	Tốc độ giảm nghèo ³³	50,39	+4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tham mưu giải pháp triển khai các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số
7.2.2	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số địa phương (%) ³⁴	96,92	Duy trì	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao tỉ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng số dân.
7.2.3	Thu nhập bình quân đầu người ³⁵	28,25	+8	Phòng Văn hóa – Xã hội, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, trong đó chú trọng xây dựng các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, ngành nghề nông thôn dựa vào các lợi thế của địa phương

³³ Chuẩn nghèo là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ

³⁴ Theo Bộ luật lao động Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi. Lao động có việc làm của địa phương đang có việc làm so với tổng dân số của địa phương trong cùng một năm

³⁵ Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng được tính bằng cách chia tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ và chia cho 12 tháng. Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm

Các Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Nội dung	Điểm số		Phân công thực hiện		Nhiệm vụ, giải pháp
		Năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Chủ trì	Phối hợp	
7.2.4	Chỉ số phát triển con người ³⁶	30,56	+6	Phòng Văn hóa – Xã hội, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phối hợp rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu về sức khỏe, tri thức và thu nhập hàng năm.
Tổng	36 chỉ số thành phần					

³⁶ Chỉ số phát triển con người (HDI) là chỉ tiêu kinh tế - xã hội tổng hợp đo lường sự phát triển của con người trên 3 phương diện: Sức khỏe, giáo dục và thu nhập của quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa bàn địa phương của quốc gia, vùng lãnh thổ trong kỳ quan sát